

# Bản tin chứng khoán

## Trong số này

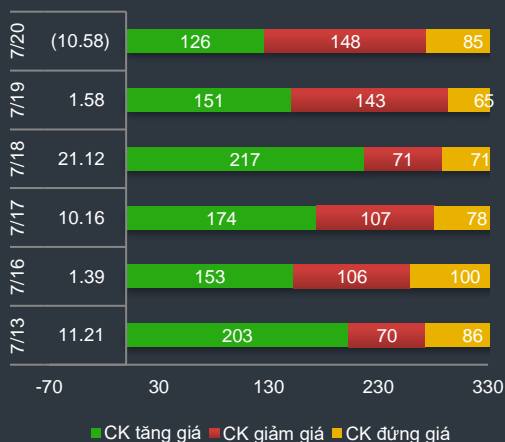
Nhận định **P.1**

Phân tích Kỹ Thuật **P.3**

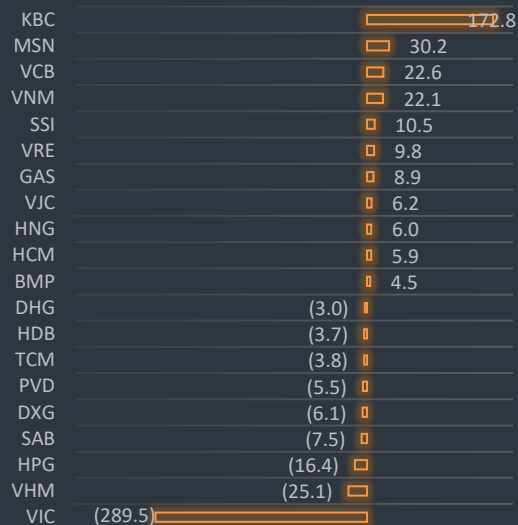
Kết quả kinh doanh **P.4**

Tin tức doanh nghiệp **P.6**

### Độ rộng thị trường



### Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Thanh khoản phiên cuối tuần vẫn đạt ở mức khá nhưng là đến từ hoạt động cơ cấu dựa theo VN30 của các quỹ ETF. Khối lượng tăng mạnh ở phiên chốt ATC đã làm thị trường xáo trộn ở nhiều cổ phiếu lớn. Áp lực bán ra khá lớn nhưng phía mua sau đó cũng cân lại vì vậy chỉ số index đóng cửa giảm 10 điểm về 933. So với cuối tuần trước Vnindex tăng được 24 điểm.

Khối ngoại gia tăng bán ròng khoảng 132 tỷ chốt lại 1 tuần bán ròng khoảng 480 tỷ ở cả hai sàn. Riêng hai cổ phiếu VIC và VHM khối ngoại đã bán khoảng 816 tỷ. Tuần này dòng tiền khối ngoại giải ngân mạnh ở nhóm cổ phiếu KBC (171.3 tỷ), BID (86.5 tỷ), CTG (85.8 tỷ), VCB (84 tỷ), VRE (61.6 tỷ). 3 cổ phiếu ngân hàng quốc doanh được khối ngoại mua nhiều nhất dẫn đầu với tổng cộng hơn 257 tỷ là đáng chú ý nhất.

Độ rộng thị trường hôm nay thu hẹp nhiều hơn với số mã giảm đang nở ra dần chiếm áp đảo so với mã tăng. Với những sự kiện quốc tế cuối tuần cùng với diễn biến chứng khoán cuối tuần cho thấy áp lực điều chỉnh vẫn còn và khả năng sẽ có thêm vài phiên giảm điểm đầu tuần trước khi độ nén thị trường đủ sâu để bật lại. Tình hình tỷ giá vẫn là điểm quan tâm nhất hiện tại khi tỷ giá liên ngân hàng và thị trường tự do đang tăng ở mức 1.5% và 2.5% so với đầu năm. NHNN đang bán USD để ổn định tỷ giá nhưng rõ ràng với mức dự trữ ngoại hối hiện tại chỉ bằng khoảng 3 tháng nhập khẩu thì khả năng bán USD cũng chỉ ở mức có giới hạn. Tỷ giá liên ngân hàng và tự do hiện nay đang có mức chênh lệch khá lớn và nếu tình hình căng thẳng tỷ giá USD/CYN vẫn tiếp diễn như hiện tại (đã lên 6.77 nhân dân tệ ăn 1 USD) thì tỷ giá USD sẽ khó giữ ở mức 2% trong năm nay. CPI dự kiến cũng có thể tăng lên từ 4 – 4.5% trong năm nay.

Cuối tuần này đã diễn ra ĐHCĐ của SAB và là cao điểm của hàng loạt doanh nghiệp lớn ra báo cáo 6 tháng đầu năm. Nổi bật là một số công ty chứng khoán công bố hoạt động quý 2 với lợi nhuận bị giảm đáng kể do hoạt động môi giới không những thua sút nhiều so với Q1 mà tự doanh còn bị lỗ nặng. Bù lại một số doanh nghiệp thuộc nhóm bán lẻ, ngân hàng tình hình lạc quan hơn.

Vnindex 933.39

▼ -10.58 (-1.12%)

## Biến động Big Cap

CP	Vốn hóa	Giá	%
MBB	42,301	23.3	3.1
CTG	91,968	24.7	1.23
SSI	14,279	29.15	0.87
HDB	34,727	35.4	0.85
VHM	286,450	106.9	0.38
MSN	90,818	79.1	0
KDH	11,699	30.2	0
TCB	32,518	27.9	0.00
TPB	14,930	26.9	0
VCB	204,353	56.8	0
STB	19,840	11	0
CTD	11,822	151	-0.33
EIB	17,212	14	-0.36
VNM	245,996	169.5	-0.59
VPB	71,480	29.5	-0.67
NVL	34,505	55.4	-0.72
VIC	330,653	103.6	-1.33
HPG	55,671	36.7	-1.34
BID	86,835	25.4	-1.55
MWG	34,916	113.5	-1.56
GAS	158,234	82.7	-1.78
FPT	25,524	41.6	-2.12
DHG	13,101	100.2	-2.24
VRE	79,845	42	-2.33
PLX	65,009	56.1	-2.6
BHN	19,749	85.2	-5.12
BVH	48,313	71	-5.96
VJC	59,126	131	-6.43
ROS	23,328	41.1	-6.59
SAB	128,256	200	-6.98

- **Đại hội cổ đông Sabeco (SAB):** diễn ra vào ngày 21.7 với một loạt thay đổi diễn ra ở hội đồng quản trị với 7 thành viên, trong đó chỉ còn 2 thành viên là thuộc Bộ Công Thương gồm ông Nguyễn Tiến Dũng và ông Lương Thanh Hải.



Trong năm 2018 một số yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận SAB như chi phí nguyên vật liệu tăng cao và thuế tiêu thụ đặc biệt tăng từ 60% lên 65%. Yếu tố chi phí vận chuyển cũng chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí và ban điều hành mới đang đề ra các giải pháp cơ cấu lại thông qua các công ty con. Về chi phí nguyên liệu cũng sẽ hợp tác với ThaiBev để cải thiện giá đầu vào rẻ hơn.

Kế hoạch kinh doanh năm 2018 dự kiến vẫn tăng trưởng 5% với mục tiêu tổng sản lượng 1,803 triệu lít, doanh thu dự kiến 36,092 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 4,007 tỷ đồng, giảm 15% so với năm 2017. Tỷ lệ chia cổ tức vẫn duy trì ở mức 35%. Phiên đóng cửa cuối tuần SAB đã giảm sàn về đúng 200. Với PE 27.4 thì có thể xem là khá phù hợp với SAB so với mức trên 40 vào cuối năm 2017.

- **PNJ lợi nhuận 6 tháng 180 tỷ:** tăng gần 40% so với cùng kỳ. Tính gộp 6 tháng đầu năm doanh thu bán hàng của PNJ tăng 34.3% đạt 7,357 tỷ và lợi nhuận sau thuế đạt 517 tỷ đồng, tăng gần 37% so với cùng kỳ. Hoạt động bán hàng tăng trưởng tốt ở cả nhóm cửa hàng cũ là 24% trong khi nhóm 63 cửa hàng mở mới từ quý III.2017 cũng đóng góp tăng trưởng 13% doanh số.

PNJ cũng đã mở rộng thêm kinh doanh mảng phụ kiện trang sức bên cạnh nữ trang truyền thống như đồng hồ đeo tay. Hoạt động mở chuỗi vẫn đang tiếp tục dự báo. Lợi nhuận cả năm của PNJ có khả năng cán mốc 1,000 tỷ đạt EPS cả năm dự phóng 6,100, PE 2018 khoảng 15.4.

	Quý II.2018	Quý II.2017	% thay đổi	6 Tháng 2018	6 Tháng 2017	% thay đổi
Doanh thu thuần	3217	2345	37.2%	7357	5476	34.3%
Giá vốn hàng bán	2635	1945	35.5%	6004	4525	32.7%
Lợi nhuận gộp	583	400	45.8%	1353	951	42.3%
Chi phí tài chính	14	17	-17.6%	28	36	-22.2%
Chi phí bán hàng	269	186	44.6%	551	369	49.3%
Chi phí QLDN	74	43	72.1%	134	82	63.4%
Lợi nhuận sau thuế	180	129	39.5%	517	378	36.8%
Biên lợi nhuận gộp	18.1%	17.1%		18.4%	17.4%	
Biên lợi nhuận ròng	5.6%	5.5%		7.0%	6.9%	
EPS 4 quý	5,330					
PE	17.8					



## Kết quả kinh doanh cập nhật mới nhất

Mã CK	Sàn	Lợi nhuận ròng			EPS 4quý	P/E Hiện tại
		Q2/2018	+/- Cùng kỳ (%)	Lũy kế 6T2018		
AAM	HOSE	3.71	346.9	6.4	620	17.4
AAV	HNX	4.85	(45.0)	7.0	na	na
ABT	HOSE	29.36	526.0	38.4	4,712	8.7
AGF	HOSE	(71.75)	(2,231.0)	-	na	na
AGM	HOSE	7.72	236.7	11.0	921	9.8
AMC	HNX	2.71	(8.4)	5.2	3,971	5.0
ANV	HOSE	113.34	310.2	189.2	2,159	9.0
APG	HOSE	2.55	(46.0)	2.6	463	11.1
APP	HNX	(0.33)	(144.2)	0.0	106	79.9
ARM	HNX	1.66	(17.5)	3.9	3,069	16.3
ASP	HOSE	14.42	13.8	20.9	1,235	5.8
BAX	HNX	5.57	10.3	10.5	3,115	7.2
BCE	HOSE	13.64	(22.7)	13.7	746	7.2
BED	HNX	1.97	4.0	3.2	2,466	15.6
BMC	HOSE	2.77	(16.1)	4.9	722	17.6
BPC	HNX	2.19	(19.2)	3.7	3,022	6.9
BRC	HOSE	3.81	22.6	8.2	1,258	8.5
BSC	HNX	0.35	(1.0)	-	na	na
BSI	HOSE	122.29	25.6	179.8	2,182	5.6
BST	HNX	0.34	2.0	0.5	1,318	14.5
BTP	HOSE	6.53	(47.2)	116.0	3,791	3.2
BVS	HNX	26.59	(24.6)	55.5	1,611	11.2
BXH	HNX	0.68	(37.3)	0.8	152	67.8
C32	HOSE	35.79	37.4	48.1	7,202	3.6
C92	HNX	0.53	(8.8)	0.6	112	49.3
CAG	HNX	1.62	33.3	2.6	241	445.1
CAP	HNX	21.63	1,930.7	32.0	7,578	6.2
CCI	HOSE	9.83	19.1	12.0	1,532	9.1
CHP	HOSE	55.44	(5.3)	-	na	na
CJC	HNX	(2.68)	(547.9)	(2.6)	519	40.8
CLC	HOSE	36.70	36.5	64.8	4,358	6.6
CLH	HNX	7.73	25.8	13.7	2,989	5.4
CMC	HNX	(2.83)	(325.9)	(2.5)	(685)	na
CNG	HOSE	26.83	8.6	42.2	3,705	7.4
CTF	HOSE	4.81	98.0	7.4	1,342	13.7
CX8	HNX	-	(79.0)	0.0	292	32.5
D2D	HOSE	18.33	127.8	40.3	7,458	8.8
DAD	HNX	12.22	(2.0)	13.2	2,096	8.0
DAE	HNX	2.60	4.4	3.1	3,212	5.2
DAT	HOSE	11.17	83.0	17.7	717	25.0

Mã CK	Sàn	Lợi nhuận ròng			EPS 4 quý	P/E Hiện tại
		Q2/2018	+/- Cùng kỳ(%)	Lũy kế 6T2018		
DC2	HNX	0.16	161.3	0.2	1,301	6.9
DGW	HOSE	22.59	10.7	41.7	2,241	10.7
DHA	HOSE	18.91	3.4	32.8	3,972	7.0
DHT	HNX	17.22	18.6	38.6	7,001	5.2
DLR	HNX	(2.67)	-	-	na	na
DMC	HOSE	55.47	(5.7)	107.6	6,002	14.0
DNC	HNX	3.31	29.4	6.9	4,300	7.3
DPC	HNX	0.79	(31.6)	1.4	1,946	9.3
EBS	HNX	5.59	(14.2)	-	na	na
ECI	HNX	1.45	(1.8)	1.8	1,634	7.5
FMC	HOSE	32.41	122.9	51.4	3,314	6.5
FTS	HOSE	59.36	44.8	122.3	2,261	5.9
HGM	HNX	5.63	(54.8)	18.0	3,210	13.7
HJS	HNX	22.55	26.6	29.3	2,097	10.5
HOT	HOSE	4.31	165.5	8.9	2,022	15.0
HPM	HNX	(1.34)	(337.7)	-	na	na
HRC	HOSE	1.13	(10.7)	2.2	257	124.6
HSG	HOSE	87.18	(79.0)	420.6	2,738	4.3
HVG	HOSE	(194.31)	-	(168.9)	(96)	na
HVX	HOSE	1.14	(67.9)	-	na	na
ICF	HOSE	(1.62)	-	-	na	na
ICG	HNX	(2.36)	-	-	na	na
IDV	HNX	28.16	322.4	36.6	3,884	8.6
INC	HNX	0.40	(37.8)	0.8	848	7.6
IVS	HNX	0.10	189.6	0.2	7	2,522.1
KHS	HNX	5.71	-	13.6	na	na
KSD	HNX	0.86	978.9	-	na	na
KTS	HNX	(0.62)	(108.9)	0.1	(7,058)	na
KTT	HNX	0.11	(71.5)	0.2	300	18.0
L35	HNX	0.34	35.6	0.6	419	9.3
LBE	HNX	0.65	(3.9)	0.7	1,866	9.8
LIX	HOSE	40.69	1.4	74.0	4,735	8.8
MBG	HNX	2.29	561.5	2.4	156	23.0
MBS	HNX	55.10	985.6	125.9	1,122	15.1
MHL	HNX	2.63	148.8	3.1	417	11.5
NBP	HNX	1.45	(67.1)	4.3	3,320	3.8
NDN	HNX	21.18	49.2	49.0	2,806	5.2
NNC	HOSE	53.20	(2.1)	87.5	8,397	6.2
NSC	HOSE	71.22	46.6	114.0	1,540	71.8
NT2	HOSE	268.59	41.4	503.7	2,980	8.7
NTP	HNX	109.37	0.8	149.7	4,932	8.6
PAC	HOSE	27.75	(50.6)	57.2	2,339	17.1
PBP	HNX	1.61	(53.3)	4.1	937	16.1
PCE	HNX	3.21	131.4	4.7	1,425	4.6
PCN	HNX	(1.35)	-	-	na	na
PDN	HOSE	30.91	32.0	54.8	7,396	9.6
PGD	HOSE	98.53	100.6	142.4	3,015	13.3
PHR	HOSE	103.74	38.9	196.1	4,959	4.0
PIC	HNX	11.70	6.5	27.8	1,304	10.8
PLP	HOSE	31.02	-	48.2	6,717	2.0
PMB	HNX	3.86	(7.1)	11.1	1,062	7.1
PMC	HNX	17.53	3.5	36.5	7,957	7.2
PMP	HNX	2.48	(11.0)	4.5	2,605	5.8
PPC	HOSE	524.52	16.2	715.4	2,987	6.3
PPE	HNX	(0.31)	-	-	na	na
PPY	HNX	3.78	-	6.4	1,472	11.2
PSW	HNX	3.96	142.6	6.2	510	14.3
PVL	HNX	5.53	376.7	-	na	na
PXI	HOSE	(8.12)	-	-	na	na
RIC	HOSE	(1.39)	-	0.3	(1,356)	na
S4A	HOSE	23.30	(34.6)	45.3	3,062	9.3
SBA	HOSE	6.81	(62.2)	45.7	2,114	7.4
SC5	HOSE	14.82	47.9	16.2	3,778	7.2
SCD	HOSE	0.99	43.1	-	na	na
SDD	HNX	0.32	112.7	0.4	(111)	na
SDN	HNX	1.70	(10.0)	4.3	4,514	8.6
SED	HNX	21.72	(9.5)	28.9	3,562	5.2
SFN	HNX	1.51	(41.4)	3.2	2,819	10.8

Mã CK	Sàn	Lợi nhuận ròng			EPS 4 quý	P/E Hiện tại
		Q2/2018	+/- Cùng kỳ(%)	Lũy kế 6T2018		
SGD	HNX	1.75	(9.1)	1.8	1,334	7.0
SJ1	HNX	2.79	(64.7)	5.2	(485)	na
SKG	HOSE	62.01	0.7	102.4	3,555	5.6
SLS	HNX	27.41	163.6	57.7	11,775	5.3
SMC	HOSE	85.67	90.0	159.2	6,785	2.7
SSC	HOSE	27.33	81.1	44.0	1,711	39.7
SSM	HNX	0.06	(94.4)	-	na	na
STB	HOSE	371.28	75.6	768.0	819	13.4
STC	HNX	5.49	0.4	7.4	2,630	10.3
STK	HOSE	43.28	83.9	83.4	2,206	7.3
SVT	HOSE	0.42	(82.1)	2.2	347	20.2
SZL	HOSE	26.59	22.5	54.8	5,636	5.7
TCS	HNX	6.00	15.5	11.3	1,508	2.8
TCT	HOSE	7.15	42.9	66.4	5,733	11.2
TDG	HOSE	4.95	40.2	13.0	2,693	4.0
TET	HNX	4.83	(46.8)	9.3	2,951	8.8
THB	HNX	9.61	(19.3)	-	na	na
THT	HNX	10.29	116.2	15.0	1,433	4.2
TIX	HOSE	19.68	(67.2)	40.9	(1,430)	na
TKC	HNX	7.82	9.9	10.2	2,305	9.5
TMC	HNX	15.61	166.9	19.7	2,607	5.2
TMP	HOSE	140.42	24.8	206.4	5,227	6.6
TNA	HOSE	19.92	2.7	43.5	7,151	4.3
TNC	HOSE	17.73	2.4	19.6	1,384	8.5
TNG	HNX	45.38	63.0	67.1	3,419	3.4
TPH	HNX	0.98	25.5	1.0	729	13.0
TVD	HNX	17.31	320.8	31.8	1,233	4.1
TXM	HNX	0.31	(89.6)	0.9	614	17.1
UIC	HOSE	16.96	16.1	27.6	6,019	4.4
UNI	HNX	(0.54)	(144.7)	-	na	na
V12	HNX	3.20	42.5	4.3	1,439	8.8
V21	HNX	0.05	(99.6)	0.1	1,288	12.3
VAF	HOSE	12.25	(13.6)	33.5	1,511	6.7
VBC	HNX	7.76	15.0	14.3	3,944	4.8
VC7	HNX	4.87	52.9	13.8	1,862	6.9
VC9	HNX	2.55	57.8	3.2	743	15.5
VCR	HNX	(4.04)	-	-	na	na
VDS	HOSE	4.76	(85.5)	54.3	1,194	6.3
VE1	HNX	(7.11)	(23,908.2)	-	na	na
VE3	HNX	0.39	151.3	0.6	1,653	6.3
VE4	HNX	0.33	58.3	0.4	736	13.3
VE8	HNX	(2.45)	(358.1)	-	na	na
VFG	HOSE	40.24	11.8	70.6	6,216	6.1
VGP	HNX	0.10	(98.7)	0.2	2,967	6.4
VIX	HNX	32.83	23.8	95.7	1,900	3.4
VLA	HNX	1.62	202.9	-	na	na
VPB	HOSE	1,415.02	32.4	3,504.3	4,899	6.0
VPG	HOSE	31.14	405.9	43.1	3,830	4.6
VXB	HNX	0.32	(56.1)	0.8	1,308	13.0

## Sự Kiện

**MBS:** báo lãi trước thuế 138 tỷ đồng sau 6 tháng, hoàn thành 86% kế hoạch năm 2018

**DHT** Dược Hà Tây (DHT) báo lãi 6 tháng đạt hơn 40 tỷ đồng, tăng 36% so với cùng kỳ năm trước

**KienLongBank:** Lãi ròng 121 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm, đang đầu tư hơn 230 tỷ vào cổ phiếu Sacombank và Maritime Bank

**LDG:** Cổ phiếu rơi dựng đứng, LDG Group báo lãi công ty mẹ nửa đầu năm giảm 42% xuống 112 tỷ đồng

**PAC:** Chi phí tăng cao, Pinaco báo lãi quý 2 sụt giảm một nửa so với cùng kỳ

# HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

**PPC** - CTCP Nhiệt điện Phả Lại - Đã công bố Báo cáo tài chính quý II/2018 với doanh thu thuần 2.215 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ năm 2017. Lợi nhuận sau thuế hơn 524,5 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ. Lũy kế 6 tháng kể từ đầu năm, PPC đạt doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt 4.016 tỷ đồng và 715,4 tỷ đồng, tăng 27% và 20% so với cùng kỳ 2017.

**TNC** - CTCP Cao su Thống Nhất – Đã thông qua kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018 với tổng doanh thu và thu nhập khác 53,5 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 20,8 tỷ đồng. Trong 6 tháng cuối năm, TNC đặt mục tiêu tổng doanh thu và thu nhập khác 46,5 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 4,2 tỷ đồng.

**VDS** - CTCP Chứng khoán Rồng Việt – 6 tháng đầu năm 2018 ghi nhận doanh thu hoạt động tăng trưởng 49%, đạt mức 240 tỷ đồng; tuy nhiên lãi ròng giảm nhẹ 5% so với cùng kỳ năm trước xuống 54 tỷ đồng. Tính riêng trong quý 2/2018, VDS ghi nhận doanh thu hoạt động 112 tỷ đồng, tăng hơn 11% so với cùng kỳ năm trước nhưng lãi sau thuế hơn 4,7 tỷ đồng, giảm mạnh so với con số 32,8 tỷ đồng cùng kỳ năm trước.

**TMC** - CTCP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức - Doanh thu quý 2 ở mức 702 tỷ đồng, cao hơn quý 2 năm trước 24%, lợi nhuận sau thuế quý 2/2018 tăng đột biến chủ yếu đến từ việc chuyển nhượng dự án cụm chung cư Timexco tại phường Linh Trung (Thủ Đức), kỳ này TMC lãi sau thuế 15,6 tỷ đồng.

**TCT** – CTCP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh - Quý 2/2018, TCT thu được 6 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế và 5 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng 43% so với quý 2/2017.

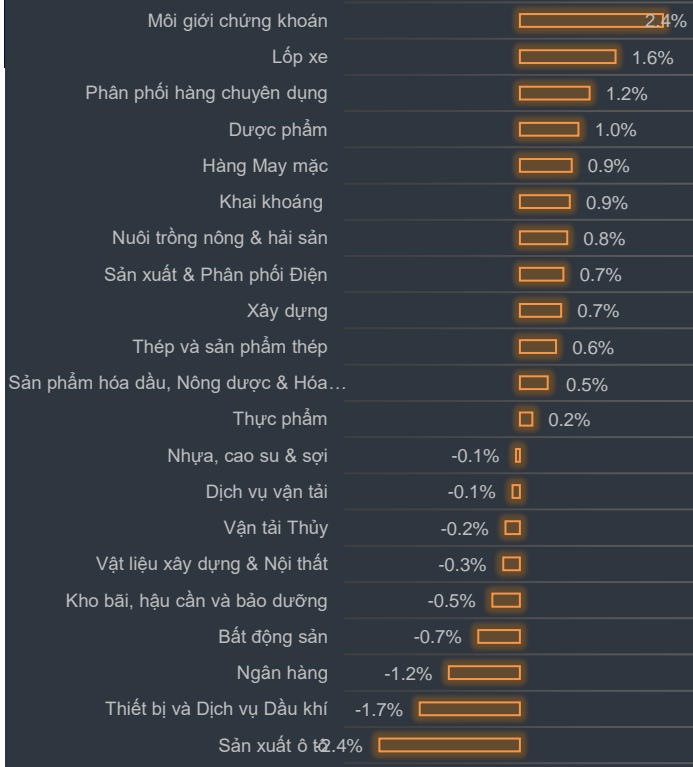
**AAM** - CTCP Thủy sản Mekong - Đã công bố Báo cáo tài chính quý II/2018 với doanh thu thuần đạt gần 52 tỷ đồng, giảm 31,6% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế 3,7 tỷ đồng, tăng mạnh so với con số gần 863 triệu đồng trong quý II/2017. Lũy kế từ đầu năm, AAM đạt 110,2 tỷ đồng doanh thu thuần, lợi nhuận sau thuế 6,44 tỷ đồng.

**VHC** - CTCP Vĩnh Hoàn - Giá trị xuất khẩu trong tháng 6 đạt 32,4 triệu USD, tăng 3% so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2018, giá trị xuất khẩu (chưa bao gồm nhà máy Vạn Đức Tiền Giang) đạt 163 triệu USD, tăng 14% so với cùng kỳ năm ngoái.

**TDH** - CTCP Phát triển Nhà Thủ Đức - Ngày 17/7, HĐQT đã thống nhất thông qua chủ trương thoái vốn toàn bộ bằng cách chào bán 5,4 triệu cổ phần sở hữu, tương ứng tỷ lệ 27%/vốn tại CTCP Đầu tư Phát triển Phong Phú với giá 63,5 tỷ đồng. Thời gian thực hiện tối đa trong vòng 6 tháng.



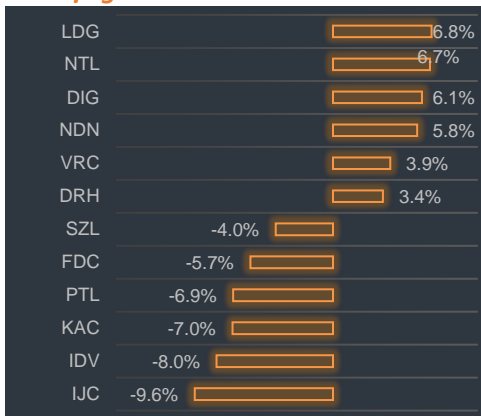
## Tăng giảm ngành trong ngày



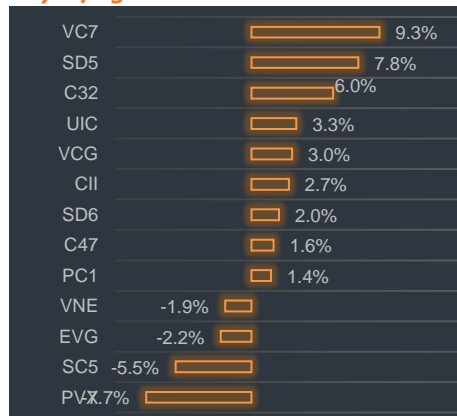
### Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

<b>Bất động sản:</b>	LDG, NTL, DIG
<b>Xây dựng:</b>	VC7, SD5, C32
<b>Dầu khí:</b>	PVG, GAS, PGD
<b>Chứng khoán:</b>	BVS, VIX, VCI
<b>Ngân hàng:</b>	

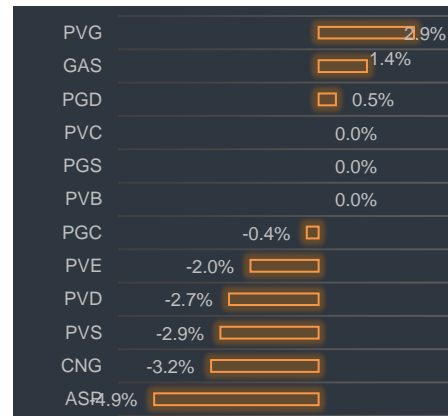
### Bất động sản



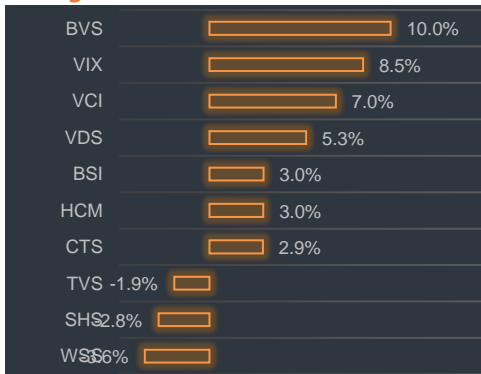
### Xây dựng



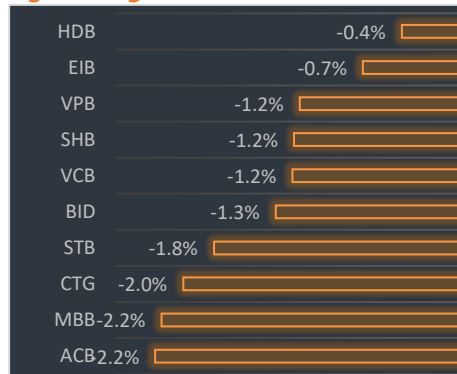
### Dầu khí



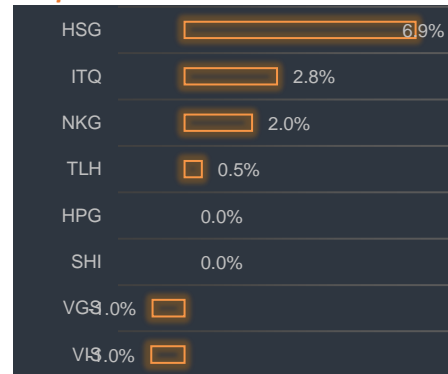
### Chứng khoán



### Ngân hàng



### Thép





## BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh

Tel: 0983.999.350

khanhnh@vise.com.vn

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

**VISecurities**  
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

### Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: +(84 4) 3 944 5888, Fax: +(84 4) 3 944 5889

<https://www.vise.com.vn>

### Chi nhánh Sài Gòn

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: + (84 8) 3915 2930

Fax: + (84 8) 3915 2931